

XUẤT KHẨU HÀNG HOÁ VÀ VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

*Đoàn Thị Thanh Hương**

Lợi thế so sánh của nền kinh tế Việt Nam là tài nguyên thiên nhiên đa dạng và phong phú, vị trí địa lý thuận lợi trong giao lưu quốc tế, nguồn lao động có trình độ, rẻ và dồi dào... Nhờ có những lợi thế này mà hàng hoá và dịch vụ của nước ta, đặc biệt là những hàng hoá có hàm lượng lao động và nguyên liệu cao, có sức cạnh tranh. Những lợi thế so sánh này đã góp phần quyết định cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam. Trong thực tế, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng có hàm lượng lao động và nguyên liệu cao như khoáng sản, các sản phẩm nông, lâm ngư nghiệp, dầu thô...

Theo Bộ Thương mại, 20 thị trường chủ yếu đã chiếm khoảng 80% kim ngạch xuất khẩu và 94% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam và 19/20 thị trường đó là thành viên của WTO, chỉ trừ CHLB Nga. Trong số các thị trường chủ chốt đó có mặt các nước thuộc Liên minh Châu Âu (EU) và Mỹ; EU vẫn là một trong những thị

trường quan trọng nhất của hàng hoá Việt Nam, đặc biệt là thuỷ sản. Thị trường Mỹ gia tăng với tốc độ nhanh và trong thời gian tới có khả năng trở thành thị trường số một của nước ta, cả về xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá. Dưới đây là nội dung đánh giá cụ thể về hiện trạng nền thương mại Việt Nam thông qua hoạt động xuất - nhập khẩu hàng hoá và sự phát triển của thị trường nội địa.

Để chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu, chuyển tỷ trọng 70% sản phẩm xuất khẩu thô, sơ chế hiện nay (bao gồm dầu khí, gạo, cà phê hạt, hạt điều, cao su, rau quả, tơ tằm, thuỷ sản chưa chế biến...) thành các sản phẩm chế biến thì song song với mục tiêu tăng về sản lượng xuất khẩu của nhóm hàng sơ chế cần phải giảm tỷ lệ của nhóm hàng này trong kim ngạch xuất khẩu từ 70% xuống còn 50% vào năm 2020. Điều này cũng đồng nghĩa với việc các mặt hàng chế biến (bao gồm: dệt, may, giày dép, sản phẩm điện - điện tử, nông sản chế biến, khoáng sản chế biến...) sẽ tăng lên để chiếm tỷ trọng 50% vào năm 2020. Những mặt hàng xuất khẩu chủ lực

* Thạc sĩ, Cục Bảo vệ Môi trường

của Việt Nam (có kim ngạch từ 100 triệu USD/năm trở lên) bao gồm dầu thô, dệt, may, giày dép, thuỷ sản, gạo, cà phê, đồ điện, điện tử, cao su, hạt điều, than đá. Tại thời điểm hiện nay, những mặt hàng này đem lại trên 70% doanh thu xuất khẩu của nước ta. Theo Cục xúc tiến thương mại, riêng với thị trường Mỹ, trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010, nhà nước sẽ ưu tiên hỗ trợ sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Mỹ của bốn ngành hàng dệt - may, da - giày, thủ công mỹ nghệ, thực phẩm chế biến và công nghệ phần mềm.

Như chúng ta đã biết, đẩy mạnh xuất khẩu trong bối cảnh tự do hoá thương mại sẽ tiềm ẩn nguy cơ suy thoái môi trường ở nhiều nước đang phát triển. Đặc biệt Việt Nam đang ở vào giai đoạn đầu của tăng trưởng xuất khẩu, khi mà giá trị gia tăng tạo ra thấp nhất. Tăng trưởng dựa chủ yếu vào lợi thế sẵn có về điều kiện tự nhiên và nguồn lao động rẻ. Tự do hoá thương mại đang khuyến khích khai thác ngày càng nhiều hơn nguồn lợi tự nhiên cũng như sử dụng ngày càng nhiều hơn nguyên, nhiên liệu. Nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như thuỷ sản, nông sản, khoáng sản, da giày, may mặc đang gây ô nhiễm môi trường và làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.

Những tác động qua lại giữa xuất khẩu hàng hoá và các vấn đề môi trường ở Việt Nam có thể được phân loại theo các đối tượng như: tác động theo quy mô, tác động lên cơ cấu, tác động lên công nghệ, tác động lên sản phẩm.

Về tác động theo quy mô, trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2005, tăng trưởng xuất khẩu bình quân đạt 17,4%,

tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá, đạt khoảng 110,6 tỷ USD, cao hơn so với mục tiêu 16%/năm đặt ra trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001 - 2010, gấp 2,27 lần mức tăng GDP (7,44%). Cơ cấu xuất khẩu đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng tỷ lệ các mặt hàng chế biến, giảm tỷ trọng các sản phẩm thô, tạo một số mặt hàng có khối lượng lớn và thị trường tương đối ổn định. Trong tổng số 20 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đến năm 2005 ngoài dầu thô có kim ngạch xuất khẩu trên 7 tỷ USD còn có thêm 6 mặt hàng khác có kim ngạch trên 1 tỷ USD là dệt may, thuỷ sản, giày dép, hàng điện tử, linh kiện máy tính, sản phẩm gỗ và gạo (bảng 1).

Kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh (bảng 1), công nghiệp mở rộng kéo theo sự gia tăng nhanh chóng của các chất gây ô nhiễm môi trường. Cũng theo Báo cáo của Ngân hàng Thế giới, nếu không có các biện pháp kiểm soát và các chính sách đúng đắn, lượng chất thải độc hại sẽ tăng 3,8 lần trong khoảng năm 2000 đến 2010, tương ứng với tỷ lệ phần trăm là 14,2%. Trong nông nghiệp cũng diễn ra tình trạng tương tự. Với việc trở thành nhà xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới, khối lượng hoá chất trừ sâu và bảo vệ thực vật được sử dụng gia tăng nhanh chóng cùng với hàng loạt các tác động khác tới môi trường nông nghiệp.

Về tác động theo cơ cấu: sự tăng trưởng của nông nghiệp nước ta trong giai đoạn mở cửa là rất ngoạn mục. Tuy nhiên, một điều khác cũng không kém phần quan trọng đó chính là tỷ trọng của công nghiệp trong GDP của Việt Nam đang ngày một tăng lên mạnh mẽ. Điều này đồng nghĩa



với việc sản xuất công nghiệp phát triển, trong đó có phần đáng kể là sản xuất cho xuất khẩu.

Về tác động lên công nghệ, đây sẽ là minh chứng khá rõ của sự tác động qua lại của thương mại quốc tế và môi trường. Tự do hoá thương mại khiến cạnh tranh trên thương trường trở lên gay gắt dẫn đến việc các nhà sản xuất phải quan tâm đổi mới công nghệ, tích cực mua công nghệ tiên tiến, phát minh, sáng chế ra công nghệ tiên tiến để có thể biến thành sản phẩm hàng hoá, trong đó có các công nghệ liên quan đến bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, ở những nước đang phát triển như Việt Nam, tự do hoá thương mại cũng đồng nghĩa với nguy cơ nhập khẩu những công nghệ cũ, lạc hậu, đặc biệt là công nghệ dệt, hoá chất.

Mặt khác, công nghệ trong bối cảnh toàn cầu hoá đã trở thành một rào cản thương mại rất đa dạng và được áp dụng rất khác nhau ở các nước tùy thuộc vào điều kiện cụ thể ở từng nước. Qua tổng hợp các kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố công nghệ được sử dụng lồng ghép vào tiêu chuẩn môi trường thể hiện qua các mặt:

- Các phương pháp chế biến và sản xuất theo quy định môi trường (PPM): Về mặt môi trường, việc xem xét quy trình sản xuất là để giải quyết một trong 3 câu hỏi trọng tâm của quá trình quản lý môi trường: sản phẩm được sản xuất như thế nào, sản phẩm được sử dụng như thế nào và sản phẩm được vứt bỏ như thế nào và những quá trình này có làm tổn hại đến môi trường hay không. Các tiêu chuẩn PPM áp dụng cho giai đoạn sản xuất, nghĩa là giai đoạn trước khi sản phẩm được tung ra bán ở thị trường và kiểm tra xem quá trình sản xuất có gây ô nhiễm môi trường hay không... đã có rất nhiều tranh chấp thương mại liên quan đến PPM như trường hợp Mỹ cấm nhập khẩu cá ngừ của Mêhicô và tôm của Thái Lan vì phía Mỹ cho rằng các nước này sử dụng phương tiện đánh bắt làm ảnh hưởng đến loài rùa biển, hay Cộng hoà Liên bang Đức cấm nhập khẩu các sản phẩm văn hoá của Phần Lan do chúng được sản xuất từ bột giấy được lấy từ rừng nguyên sinh ở Indônêxia, trường hợp tương tự đối với cá tra, cá basa của Việt Nam...

Bảng 1. Kim ngạch xuất khẩu Việt Nam thời kỳ 2001 - 2005

Năm	Tốc độ tăng GDP (%)	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	Tốc độ tăng xuất khẩu (%)	GDP (triệu USD)	Xuất khẩu/ GDP (%)
2001	6,89	15.027	3,8	32.685	46,0
2002	7,04	16.705	11,2	35.224	47,4
2003	7,24	20.176	20,8	39.623	50,9
2004	7,6	26.500	28,9	45.373	58,4
2005	8,43	32.200	21,6	49.198	65,5

Nguồn: Thời báo kinh tế Việt Nam: Kinh tế Việt Nam 2005-2006, Báo cáo đánh giá thương mại Việt Nam năm 2005, Bộ Thương mại

**Bảng 2. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu
thời kỳ 2001 - 2005**

Mặt hàng	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng kim ngạch	15.027	16.706	20.176	26.500	32.200
KNXK trên 1.000 triệu	9.993	11.565	13.935	18.057	22.292
<i>Tỷ trọng</i>	66,5	69,2	69,1	69,4	69,2
Dầu thô	3.126	3.270	3.821	5.671	7.387
Hàng dệt và may mặc	1.975	2.752	3.687	4.386	4.806
Giày dép	1.559	1.867	2.268	2.692	3.005
Thuỷ sản	1.778	2.023	2.200	2.360	2.741
Gạo	625	726	720	950	1.394
Điện tử, máy tính	595	492	672	1.075	1.442
Gỗ và sản phẩm gỗ	335	435	567	1.139	1.517
KNXK trên 500 triệu	1.059	1.263	1.697	2.498	3.255
<i>Tỷ trọng</i>	7,0	7,6	8,4	9,4	10,1
Cao su	166	268	378	597	787
Cà phê	391	322	505	641	725
Than đá	113	156	184	355	658
Hàng thủ công mỹ nghệ	235	331	367	516	565
Dây điện và cáp điện	154	186	263	389	520
KNXK dưới 500 triệu	937	928	988	1.803	1.966
<i>Tỷ trọng</i>	6,2	5,5	4,9	6,8	6,1
Hạt điều	152	209	284	436	486
Túi xách, vali, mũ, ô dù				413	465
Sản phẩm nhựa	134	153	186	261	350
Rau quả	330	201	151	179	234
Hạt tiêu	91	107	105	152	152
Xe đạp và phụ tùng	114	124	154	239	145
Chè	78	83	60	96	100
Lạc	38	51	48	27	34
Hàng hoá khác	3.038	2.950	3.556	4.142	4.687
<i>Tỷ trọng</i>	20,3	17,7	17,6	14,4	14,6

Nguồn: Báo cáo tình hình thương mại các năm 2004, 2005 - Bộ Thương mại

- Nhãn môi trường: Sản phẩm được dán nhãn sinh thái nhằm mục đích thông báo cho người tiêu dùng biết là sản phẩm đó được coi là tốt hơn về mặt môi trường. Các tiêu chuẩn về dán nhãn sinh thái được xây dựng dựa trên cơ sở phân tích chu kỳ sống của sản phẩm, một quá trình còn được gọi là phương pháp phân tích từ đầu đến cuối (từ lúc sinh đến lúc chết). Theo phương pháp này, người ta sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng đối với môi trường của sản phẩm ở các giai đoạn khác nhau trong toàn bộ chu kỳ sống của nó. Các giai đoạn này bao gồm giai đoạn tiền sản xuất (chế biến các nguyên liệu thô), sản xuất, phân phối (bao gồm đóng gói), sử dụng hoặc tiêu thụ, và loại bỏ sau khi sử dụng. Việc sử dụng nhãn dinh thái cũng làm ảnh hưởng đến cạnh tranh thương mại quốc tế. Trong các thị trường với những sở thích của người tiêu dùng đối với những sản phẩm “xanh”, tác dụng của nhãn hiệu sinh thái được coi như là một công cụ xúc tiến, đồng thời nhãn hiệu đó có thể tác động ngược lại sự cạnh tranh của những sản phẩm không dán nhãn trong cùng một chủng loại. Do đó, tuy là việc dán nhãn mang tính chất tự nguyện, nhưng các chương trình nhãn hiệu sinh thái cũng có thể ảnh hưởng đến thương mại quốc tế.

Về tác động lên sản phẩm, tác động này có thể thấy rõ nhất qua sự thay đổi định hướng tiêu dùng của người tiêu dùng, đặc biệt là ở các nước phát triển. Xu hướng đòi hỏi “sản phẩm xanh”, “sản phẩm thân

thiện với môi trường”... đang gia tăng nhanh chóng là một sức ép rất lớn đối với các nhà sản xuất, trong đó có các nhà sản xuất của Việt Nam. Điều này, một mặt đã làm cho các nhà sản xuất của Việt Nam quan tâm đến các vấn đề bảo vệ môi trường nhiều hơn. Nhưng ngược lại, đây cũng lại là một gánh nặng rất lớn cho các nhà sản xuất của Việt Nam trong quá trình thâm nhập thị trường quốc tế do cơ cấu hàng xuất khẩu của nước ta hiện nay vẫn tập trung vào những mặt hàng nhiên liệu và khoáng sản, thủ công nghiệp và nông - lâm - thủy sản (bảng 3).

Chính sách tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, tập trung tăng trưởng mạnh các mặt hàng xuất khẩu trên cơ sở tận dụng triệt để các lợi thế so sánh của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian qua đã mang lại hiệu quả rõ rệt về mặt kinh tế. Tuy nhiên, những phân tích trong bài viết này cho thấy, việc ảnh hưởng của tăng trưởng xuất khẩu hàng hoá trong thời gian dài với tốc độ cao đã dẫn đến những ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường, cụ thể là làm suy thoái chất lượng môi trường, phá vỡ cân bằng sinh thái, suy giảm tài nguyên đa dạng sinh học. Những thiệt hại về môi trường thường không định giá được và có ảnh hưởng lâu dài đến đời sống của cộng đồng. Việc giải quyết những vấn đề môi trường nảy sinh trong quá trình tăng trưởng có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng, tính bền vững của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.



**Bảng 3. Cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam thời kỳ 2001 - 2005
phân theo nhóm mặt hàng (%)**

	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng kim ngạch (triệu USD)	15.027	16.706	20.176	26.500	32.200
Nhiên liệu và khoáng sản	3.239	3.426	4.005	5.985	8.100
Tỷ trọng	21,6	20,5	19,9	23,0	25,1
Tăng trưởng	90,1	105,8	116,9	149,4	135,3
Công nghiệp nhẹ và thủ công MN	5.102	6.340	8.164	10.373	13.040
Tỷ trọng	33,9	38,0	40,5	39,1	40,5
Tăng trưởng	116,6	124,3	128,8	121,1	125,7
Nông, Lâm, Thủy sản	3.649	3.989	4.451	5.372	6.180
Tỷ trọng	24,3	23,8	22,1	20,7	19,2
Tăng trưởng	105,8	109,3	111,6	120,7	115,0
Hàng hoá khác	3.774	2.952	3.556	4.310	4.880
Tỷ trọng	25,1	17,7	17,5	16,6	15,2
Tăng trưởng	124,3	78,2	120,5	121,2	113,2

Nguồn: Bộ Thương mại

Tài liệu tham khảo

1. "Khảo sát, đánh giá tác động của thương mại đến môi trường giai đoạn 2001-2005". Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Thương mại, năm 2006;
2. "Báo cáo hiện trạng môi trường của các hoạt động thương mại nước ta giao đoạn 2001-2005", Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Thương mại 12/2006;
3. Báo cáo tổng kết dự án "Hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế", Cục bảo vệ môi trường, 2003.